

KHÁI NIỆM HIỆU LỰC CỦA NGHĨA VỤ VÀ VẤN ĐỀ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ

*Ngô Huy Cương**

Một nghĩa vụ dân sự khi đã được xác lập hợp pháp bởi bất kể nguồn gốc nào đều có hiệu lực. Thuật ngữ hiệu lực của hợp đồng được các luật gia Việt Nam hiện nay nhắc tới thường xuyên. Nhưng có lẽ, hiếm người nói tới hiệu lực của nghĩa vụ bởi các giáo trình luật dân sự hiện nay không nhắc tới. Dù luật gia nào cũng nói tới hiệu lực của hợp đồng, nhưng khi được hỏi nó là gì và nội dung của nó ra sao thì phần lớn chỉ nói tới điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng. Đây chính là những nội dung đã được Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 1995 và Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2005 qui định thành điều, thành khoản. Từ đó có thể hiểu việc nói và nghe về nội dung hiệu lực của nghĩa vụ là một khó khăn hiện nay. Có lẽ, do chưa nắm vững nội dung hiệu lực của nghĩa vụ về mặt lý luận, nên việc xây dựng Bộ luật Dân sự năm 1995 và Bộ luật Dân sự năm 2005 (BLDSVN 2005) còn có những khiếm khuyết. Ngược lại, do các Bộ luật Dân sự năm 1995 và năm 2005 còn có những khiếm khuyết về vấn đề đang đề cập, nên nhiều luật gia ở nước ta hiện nay không nắm được nội dung này. Các Giáo trình Luật Dân sự chỉ đề cập những gì mà các Bộ luật Dân sự đã qui định, có nghĩa là mới chỉ diễn giải các qui định của các bộ luật này để giảng dạy trong các cơ sở đào tạo luật. Trong bối cảnh đó, để góp phần bàn thảo về một vấn đề quan trọng của pháp luật dân sự nhưng lại chưa được giới luật học quan tâm thích đáng, với bài viết này tôi xin trình bày khái niệm hiệu lực của nghĩa vụ và một phần nội dung quan trọng của nó là vấn đề thực hiện nghĩa vụ.

1. Khái niệm hiệu lực của nghĩa vụ

Trong sự phân biệt với hiệu lực của hợp đồng trên một vài khía cạnh, hiệu lực của

nghĩa vụ nói chung được hiểu là sự thúc buộc người thụ trái thực hiện yêu cầu của trái chủ.

Sự thỏa mãn quyền yêu cầu của trái chủ trong quan hệ nghĩa vụ chỉ có thể được đáp ứng bởi việc thực hiện hành vi xác định của người thụ trái, bởi quan hệ nghĩa vụ được xác lập giữa trái chủ và người thụ trái xác định với đối tượng nhất định¹. Nếu người thụ trái tự nguyện thực hiện, thì trái chủ có quyền tiếp nhận trên cơ sở quyền của mình. Việc tiếp nhận của trái chủ không trên cơ sở quyền của mình làm phát sinh ra các hậu quả pháp lý khác. Chẳng hạn, trong qui tắc chung về thực hiện nghĩa vụ hay trả nợ, Bộ luật Dân sự Bắc Kỳ 1931 qui định:

“Nợ giả thì nghĩa vụ hết. Có nợ thì mới phải giả, không nợ mà giả thì được phép đòi lại” (Điều 788).

Qui tắc này được Bộ luật Dân sự Trung Kỳ 1936 thừa hưởng trọn vẹn và có phát triển tại Điều 849. Điều luật này bổ sung thêm hai nguyên lý quan trọng là: “trả nợ là khi đã giao một sự vật hay làm một việc gì mà mình phải giao hay phải làm”; và “đối với nghĩa vụ tự nhiên mà tự ý mình trả thì không đòi lại được”. Ngày nay, BLDSVN 2005 có các qui định về trường hợp được lợi về tài sản mà không có căn cứ pháp luật gây thiệt hại cho người khác tại Điều 599, khoản 2. Người được lợi như vậy có nghĩa vụ hoàn trả khoản lợi đó cho người bị thiệt hại, trừ thủ đắc quyền sở hữu do thời hiệu. Trong khi bình luận khoa học Bộ luật Dân sự Nhật Bản, Xaca Vacaxum và Tori Aritdumi cho rằng: “nghĩa vụ thực tế được công nhận là hợp pháp trong mọi trường hợp, trừ trường hợp

¹ Đối tượng nhất định không có nghĩa là phải dứt khoát ngay lập tức tại thời điểm xác lập nghĩa vụ. Ví dụ: Đối với nghĩa vụ hợp đồng, đối tượng có thể do người thụ trái tùy ý lựa chọn.

* TS. Luật học, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

thu lợi vô căn cứ”, và nghĩa vụ thực tế được quan niệm là “nghĩa vụ trong đó chủ nợ tiếp nhận hành vi được người mắc nợ tự nguyện thực hiện, không được yêu cầu cưỡng chế thực hiện bằng quyền lực nhà nước”².

Tuy nhiên, pháp luật ở các nước đều dự liệu các phương cách và giải pháp bảo vệ quyền lợi của trái chủ trong trường hợp người thụ trái không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hay không đầy đủ nghĩa vụ của mình, có nghĩa là cưỡng bức thực hiện nghĩa vụ. Từ thời La Mã cổ đại, trong quan hệ hợp đồng, khi người thụ trái không thi hành nghĩa vụ của mình thì phải chịu trách nhiệm vì lỗi hợp đồng nói chung như làm mất đồ vật là đối tượng của nghĩa vụ (ví dụ trong nghĩa vụ coi giữ - *custodia*), có khi chỉ vì thi hành chậm trễ (*mora*)³. Nhưng việc cưỡng bức thực hiện nghĩa vụ ngày nay bị hạn chế trên một vài phương diện như vấn đề liên quan tới nhân thân của người thụ trái hoặc buộc phải thực hiện một công việc có tính chất đặc biệt. Có thể thấy việc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý có mối quan hệ trong việc bảo đảm cho trái quyền. Thông thường pháp luật đặt ra hai phương cách đối với trường hợp không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ: *thứ nhất*, buộc thực hiện nghĩa vụ; *thứ hai*, bồi thường thiệt hại⁴. Phương cách thứ hai này dựa trên căn bản một trái quyền có thể chuyển đổi thành một yêu cầu về tiền và yêu cầu về tiền thay thế này không được người thụ trái đáp ứng, thì trái chủ có quyền với sự hỗ trợ của pháp luật bắt giữ tài sản của người thụ trái để lấy nợ. Luật dân sự thường xác định việc cưỡng bức thực hiện nghĩa vụ trên cơ sở tài sản của người thụ trái mặc dù người thụ trái chỉ phải

thực hiện một hoặc một số đối tượng nhất định của nghĩa vụ⁵. Điều đó có nghĩa là toàn bộ tài sản của người thụ trái được mang ra bảo đảm cho nghĩa vụ của người thụ trái. Thể hiện nguyên lý này, Bộ luật Dân sự 1972 của chính quyền Sài Gòn qui định: tất cả các tài sản hiện có hoặc sẽ có trong tương lai của người thụ trái đều là vật bảo đảm chung cho các trái chủ và được phân chia cho các trái chủ theo tỷ lệ trái quyền của mỗi người, trừ khi có trái chủ có quyền đặc ưu (Điều 1415 và Điều 1416). Nguyên lý này không được thể hiện cụ thể trong BLDSVN 2005. Tuy nhiên, không phải tất cả các tài sản của người thụ trái đều phải mang ra trả nợ, pháp luật phải trừ các tài sản thiết yếu cho đời sống của người thụ trái. Liên quan tới tài sản bảo đảm chung cho các trái chủ, pháp luật còn dự liệu trường hợp người thụ trái không cố gắng duy trì trách nhiệm tài sản của mình hoặc cố ý làm giảm trách nhiệm tài sản của mình.

Ngoài ra, Luật Dân sự còn dự liệu trường hợp hiệu lực bên ngoài của nghĩa vụ liên quan tới người thứ ba gây thiệt hại cho đối tượng của nghĩa vụ hoặc cản trở việc thực hiện nghĩa vụ. Án lệ và các học thuyết pháp lý coi các hành vi như vậy của người thứ ba là hành vi vi phạm, và phụ thuộc vào qui chế bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng⁶. Tóm lại các lẽ trên Bộ luật Dân sự của Tiểu bang Louisiana (Hoa Kỳ) có qui định hiệu lực chung của nghĩa vụ tại Điều 1758 rằng: một nghĩa vụ có thể cho trái chủ quyền yêu cầu thực hiện những gì mà người thụ trái bị ràng buộc phải tiến hành, quyền yêu cầu thực hiện bằng cách để người khác tiến hành với chi phí của người thụ trái, quyền được bồi thường thiệt hại bởi người thụ trái không thực hiện, hoặc thực hiện không đúng, hoặc thực hiện chậm trễ; và có thể cho người thụ trái quyền giải trừ hợp pháp khi đã thực hiện

² Xaca Vacaxum, Tori Aridumi, *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự Nhật Bản*, Nguyễn Đức Giao và Lưu Tiến Dũng dịch ra tiếng Việt, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 366.

³ Vũ Tam Tư, *Luật Rôma: Kế ước & Nghĩa vụ*, Trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Lưu hành nội bộ, tr. 65.

⁴ Tuy nhiên chế tài đối với vi phạm hợp đồng theo Luật Thương mại 2005 của Việt Nam có nhiều hình thức hơn.

⁵ Việc thúc buộc thực hiện nghĩa vụ liên quan đến thân thể của người thụ trái không được pháp luật hiện đại chấp nhận.

⁶ Japan International Cooperation Agency (JICA), *Japanese Laws (Volume 2: 1997- 1998) - Luật Nhật Bản (Tập II: 1997- 1998)*, Youth Publishing House - Nhà xuất bản Thanh niên, Song ngữ Anh - Việt, p. 165.

dây đủ, quyền chống lại các hành động của trái chủ khi nghĩa vụ đã bị hủy bỏ hoặc sửa đổi bởi một lý do pháp lý.

Vậy có thể nghiên cứu hiệu lực của nghĩa vụ ở khía cạnh thực hiện nghĩa vụ (tự nguyện và không tự nguyện) và tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ, cùng các biện pháp cưỡng bức thực hiện nghĩa vụ bởi pháp luật, cũng như các vấn đề khác xét từ khía cạnh quyền của người thụ trái. Không đồng nhất hoàn toàn, Bộ luật Dân sự Pháp xếp các qui tắc thực hiện nghĩa vụ vào phần chấm dứt nghĩa vụ, có nghĩa là việc thực hiện nghĩa vụ là căn cứ hay nguyên nhân của việc chấm dứt nghĩa vụ. Với hiệu lực của nghĩa vụ dân sự, Bộ luật này đề cập tới các nghĩa vụ căn bản của người thụ trái trong các phân loại nghĩa vụ theo đối tượng của nghĩa vụ (nghĩa vụ chuyển giao vật, nghĩa vụ hành động, và nghĩa vụ không hành động), cùng với chế tài bồi thường thiệt hại do không thực hiện nghĩa vụ, giải thích hợp đồng và hiệu lực của hợp đồng đối với người thứ ba. Có thể hiểu Bộ luật Dân sự Pháp không nghiên cứu chung các nguyên tắc và qui tắc của nghĩa vụ dân sự mà nghiên cứu nghĩa vụ hợp đồng. Có quan điểm cho rằng, người Pháp đã qui định trong phạm vi hợp đồng cả vấn đề hiệu lực hợp đồng và hiệu lực của nghĩa vụ⁷. Trong khi đó Bộ luật Dân sự CHLB Đức nghiên cứu hiệu lực của nghĩa vụ thông qua việc thực hiện nghĩa vụ (nghĩa vụ thực hiện), có nghĩa là sự cưỡng chế thực hiện nghĩa vụ.

2. Thực hiện nghĩa vụ

Có thể hiểu một cách đơn giản, thực hiện nghĩa vụ là việc người thụ trái làm thoả mãn các yêu cầu của trái chủ trong một quan hệ nghĩa vụ xác định với một hoặc nhiều đối tượng nào đó theo đúng sự thoả thuận hoặc qui định của pháp luật. Đó là nhận thức chung của các luật gia Việt Nam hiện nay về vấn đề thực hiện nghĩa vụ. Đây là vấn đề trọng tâm của chế định nghĩa vụ, nên BLDSVN 2005 đã dành 19 điều từ Điều 283

tới Điều 301 để qui định các nguyên tắc và qui tắc chủ yếu về thực hiện nghĩa vụ.

Nguyên tắc chung liên quan tới hiệu lực của nghĩa vụ được qui định trong BLDSVN 2005 là: *"Các bên phải nghiêm chỉnh thực hiện nghĩa vụ dân sự của mình và tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, nếu không tự nguyện thực hiện thì có thể bị cưỡng chế thực hiện theo quy định của pháp luật"* (Điều 7). Tiếp đó Điều 283 qui định hiệu lực bắt buộc của nghĩa vụ dân sự và nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ của người thụ trái là: *"Bên có nghĩa vụ dân sự phải thực hiện nghĩa vụ của mình một cách trung thực, theo tinh thần hợp tác, đúng cam kết, không trái pháp luật, đạo đức xã hội"*. Tuy nhiên, các nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ được nêu ra trong điều luật này có phần nghiêng về nghĩa vụ hợp đồng.

Ở mức độ khái quát cao hơn, Bộ luật Dân sự CHLB Đức qui định người thụ trái bị ràng buộc thì hành nghĩa vụ phù hợp với các yêu cầu về thiện chí và cân nhắc tới tập quán chung (Điều 242).

Có thể nói, thực hiện nghĩa vụ là điểm cốt yếu của nghĩa vụ. Nó thể hiện sự hợp tác thiện chí, trung thực giữa các bên trong quan hệ nghĩa vụ, đồng thời bảo đảm cho dự định hoặc kế hoạch của các bên biến thành hiện thực, có nghĩa là mục tiêu của việc thiết lập quan hệ nghĩa vụ đạt được. Có quan niệm cho rằng: *"Thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ là căn cứ xác định quan hệ bình đẳng giữa các chủ thể trong quan hệ pháp luật dân sự nói chung và trong quan hệ nghĩa vụ dân sự nói riêng"*⁸. Quan niệm này có vẻ hơi ngược, bởi chính tính chất quan hệ bình đẳng của các chủ thể luật tư nói chung và luật dân sự nói riêng tạo lập nên các chế định và các qui phạm của chúng nói chung và tạo lập nên các nguyên tắc và qui tắc của việc thực hiện nghĩa vụ nói riêng. Các nguyên tắc và qui tắc của luật tư phải thể hiện được mối quan hệ bình đẳng giữa các chủ thể của luật tư. Các lập luận của tôi ở đây không hướng tới câu

⁷ Vũ Văn Mẫu, *Việt Nam dân luật lược khảo - Quyển II: Nghĩa vụ và kế ước*, In lần thứ nhất, Bộ quốc gia giáo dục xuất bản, Sài Gòn, 1963, tr. 242.

⁸ Học viện Tư pháp, *Giáo trình Luật Dân sự*, Nxb. Công an nhân dân, 2007, tr. 285.

chuyên “con gà, quả trứng”, mà mong muốn có một sự nhìn nhận xác đáng hơn đối với các qui tắc của luật tư.

Theo tinh thần của Điều 283 BLDSVN 2005, việc thực hiện nghĩa vụ phải tuân thủ các nguyên tắc: (1) Trung thực; (2) Theo tinh thần hợp tác; (3) Đúng cam kết; (4) Không trái pháp luật; và (5) Không trái đạo đức xã hội. Nhà làm luật đã không đưa ra bất kỳ sự giải thích nào hay tiêu chí nào để giải thích cho các nguyên tắc được thiết lập trong Điều luật này. Chắc hẳn Điều luật này đã dành chỗ cho các giải thích tư pháp trong các trường hợp tranh chấp cụ thể. Tuy nhiên, có thể nhận xét sơ bộ về các nguyên tắc này:

Thứ nhất, các nguyên tắc này được thiết lập cho các nghĩa vụ nói chung, không kể phát sinh từ nguồn gốc nào, có nghĩa là được thiết lập cho cả nghĩa vụ phát sinh từ hành vi pháp lý và nghĩa vụ phát sinh từ các sự kiện. Thế nhưng trong đó có đề cập đến một nguyên tắc áp dụng cho các nghĩa vụ phát sinh từ hành vi pháp lý - đó là thực hiện đúng cam kết. Trong khi đó nhà làm luật lại có sự phân biệt rõ ràng giữa các nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ với các nguyên tắc thực hiện hợp đồng và hai bộ nguyên tắc này được nhà làm luật thiết kế khác biệt. Đối với nguyên tắc thực hiện hợp đồng, Điều 412, BLDSVN 2005 qui định:

“Việc thực hiện hợp đồng phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Thực hiện đúng hợp đồng, đúng đối tượng, chất lượng, số lượng, chủng loại, thời hạn, phương thức và các thỏa thuận khác;

2. Thực hiện một cách trung thực, theo tinh thần hợp tác và có lợi nhất cho các bên, đảm bảo tin cậy lẫn nhau;

3. Không được xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác”.

Hai bộ nguyên tắc này, khi được sử dụng, có lẽ phải được giải thích trong sự gắn kết với các bộ nguyên tắc khác theo cấp độ của từng bộ phận khác nhau trong một hệ thống các nguyên tắc. Liên quan tới vấn đề đang bàn ở đây có thể thấy có mấy bộ nguyên tắc như: bộ nguyên tắc của Luật Dân

sự nói chung; bộ nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ; bộ nguyên tắc giao kết hợp đồng; bộ nguyên tắc thực hiện hợp đồng và bộ nguyên tắc của hành vi thương mại được thiết lập trong Luật Thương mại Việt Nam 2005.

Thứ hai, bộ nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự được nêu tại Điều 283 kể trên không đề cập tới việc tuân thủ tập quán chung trong việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Trong khi đó Luật Thương mại Việt Nam 2005 qui định các nguyên tắc của hành vi thương mại bao gồm nguyên tắc bình đẳng, nguyên tắc tự do, tự nguyện, nguyên tắc áp dụng thói quen, nguyên tắc áp dụng tập quán, nguyên tắc bảo vệ lợi ích chính đáng của người tiêu dùng, nguyên tắc thừa nhận giá trị pháp lý của thông điệp dữ liệu (từ Điều 10 đến Điều 15). Tuy nhiên, nếu giải thích các nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự trong tổng thể các nguyên tắc của BLDSVN 2005, thì nguyên tắc cần nhắc tới tập quán trong thực hiện nghĩa vụ dân sự là một nguyên tắc rất căn bản và quan trọng. Điều 8, BLDSVN 2005 qui định: *“Việc xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự phải đảm bảo giữ gìn bản sắc dân tộc, tôn trọng và phát huy phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp, tình đoàn kết, tương thân, tương ái, mỗi người vì cộng đồng, cộng đồng vì mỗi người và các giá trị đạo đức cao đẹp của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam”.* Việc tôn trọng tập quán là một nguyên tắc bắt buộc đối với bất kỳ ai tham gia vào các quan hệ pháp luật dân sự. Tập quán theo nguyên tắc này phải được giải thích dựa trên cơ sở đạo đức và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, bởi nguyên tắc tôn trọng, phát huy phong tục, tập quán trong quan hệ dân sự là một bộ phận cấu thành của nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan tới thực hiện nghĩa vụ, tập quán được áp dụng nếu pháp luật không có qui định và các bên không có thỏa thuận, tuy nhiên với điều kiện là tập quán được áp dụng không trái với các các nguyên tắc của Điều 3 BLDSVN 2005, có nghĩa là không trái với đạo đức và truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Điều kiện áp dụng tập quán thương mại cũng được qui định tương tự tại Điều 13, Luật Thương mại Việt Nam 2005.

Đáng tiếc khi diễn giải các nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự, “*Giáo trình Luật Dân sự*” của Học viện Tư pháp chỉ cho rằng có năm nguyên tắc⁹ theo đúng Điều 283, BLDSVN 2005. Đồng quan điểm, “*Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam*” của Trường Đại học Luật Hà Nội cũng chỉ đề cập tới năm nguyên tắc¹⁰ thực hiện nghĩa vụ dân sự. Tuy nhiên, Giáo trình của Trường Đại học Luật Hà Nội có đề cập tới các nguyên tắc tôn trọng đạo đức, truyền thống được nêu tại Điều 8 BLDSVN 2005, nhưng chỉ quan niệm nguyên tắc này như một cơ sở để giải thích thế nào là thực hiện nghĩa vụ không trái với đạo đức xã hội¹¹. Lê Nét có khác hơn một chút cho rằng thực hiện nghĩa vụ dân sự có bốn nguyên tắc, bởi học giả này đã gộp cụm từ “không trái pháp luật, đạo đức xã hội” của Điều 283 để tạo ra một nguyên tắc¹². Tóm lại, các công trình này đã không để ý tới nguyên tắc tôn trọng tập quán trong việc thực hiện nghĩa vụ dân sự. Có lẽ cách nghiên cứu riêng lẻ từng phần của BLDSVN 2005 đã làm cho người nghiên cứu không nhìn thấy tổng thể và logic của Bộ luật.

Mặc dù chưa tách biệt giữa nghĩa vụ dân sự nói chung và nghĩa vụ hợp đồng nói riêng, nhưng Bộ luật Dân sự Pháp đề cập nguyên tắc thiện chí trong thực hiện nghĩa vụ hợp đồng (Điều 1134) và nguyên tắc tôn trọng lẽ công bằng, tập quán, pháp luật (Điều 1135). Như vậy, đối với thực hiện nghĩa vụ, cả Bộ luật Dân sự Pháp và Bộ luật Dân sự CHLB Đức đều xem tôn trọng tập quán như một

nguyên tắc quan trọng. Có được điều này có thể do chính tính chất của Luật Dân sự quyết định. Hiểu rằng Luật Dân sự là một ngành luật tư điển hình điều tiết các quan hệ phát sinh trong cuộc sống thường nhật, mang tính ổn định cao, ít bị ảnh hưởng bởi các trào lưu chính trị, tư tưởng nhất thời. Do đó, tập quán trong một cộng đồng nhất định không những là một loại nguồn quan trọng của Luật Dân sự, mà còn là một tiêu chuẩn để đánh giá các cách ứng xử trong cộng đồng đó.

Về nguyên tắc người thụ trái là người phải tự mình thực hiện nghĩa vụ. Trái chủ chỉ có quyền yêu cầu người thụ trái thực hiện nghĩa vụ đối với mình. Tuy nhiên, người thụ trái có thể uỷ quyền cho người thứ ba thực hiện nghĩa vụ với điều kiện phải được sự đồng ý của trái chủ. Nếu người được uỷ quyền vi phạm nghĩa vụ, thì người thụ trái vẫn phải chịu trách nhiệm về sự vi phạm đó. Nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ thông qua người thứ ba này được BLDSVN 2005 qui định rõ tại Điều 293.

Nghĩa vụ có thể được thực hiện theo định kỳ, có nghĩa là việc thực hiện được phân chia theo từng thời gian nhất định. Việc nghĩa vụ được thực hiện một lần hay nhiều lần với thời hạn cụ thể hay theo những khoảng thời gian nhất định do các bên thoả thuận hoặc do pháp luật qui định. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ trong những khoảng thời gian như vậy cũng được xem là vi phạm nghĩa vụ. Điều 292 BLDSVN 2005 chỉ đề cập tới việc thực hiện nghĩa vụ theo định kỳ. Thực ra các phương thức thực hiện nghĩa vụ khác như thực hiện một lần vào một thời điểm nhất định là một phương thức hết sức thông thường mà qui tắc thực hiện nó thể hiện trong hầu hết các qui định.

Trong việc thực hiện nghĩa vụ người ta có thể chia thành ba loại căn bản để thiết kế các qui chế pháp lý khác nhau cho từng loại như: thực hiện nghĩa vụ chuyển giao, thực hiện nghĩa vụ hành động và thực hiện nghĩa vụ không hành động. Các qui chế pháp lý thiết lập cho từng loại thực hiện nghĩa vụ nói trên, ngoài việc phụ thuộc vào các nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ dân sự, còn phụ thuộc

⁹ Học viện Tư pháp, *Giáo trình Luật Dân sự*, Nxb. Công an nhân dân, 2007, tr. 285 - 290.

¹⁰ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam - Tập 2*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2007, tr. 36- 40.

¹¹ Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Dân sự Việt Nam - Tập 2*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2007, tr. 40.

¹² Nguyễn Xuân Quang - Lê Nét - Nguyễn Hồ Bích Hằng, *Luật Dân sự Việt Nam*, Nxb. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2007, tr. 288.

vào một số qui tắc chung như địa điểm và thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự.

Địa điểm thực hiện nghĩa vụ do các bên thoả thuận. Tuy nhiên, trong trường hợp không có sự thoả thuận về địa điểm thực hiện nghĩa vụ, BLDSVN 2005 đã đưa ra qui tắc xác định: 1) Nếu đối tượng của nghĩa vụ là bất động sản, thì địa điểm thực hiện nghĩa vụ là nơi có bất động sản; 2) Nếu đối tượng của nghĩa vụ không phải là bất động sản, thì địa điểm thực hiện nghĩa vụ là nơi cư trú hoặc trụ sở của trái chủ (Điều 284).

Thời hạn thực hiện nghĩa vụ được xác lập trên nguyên tắc thoả thuận hoặc theo qui định của pháp luật. Trong trường hợp không có việc xác lập như trên thì người thụ trái có thể thực hiện nghĩa vụ vào bất kể lúc nào, hoặc trái chủ có thể yêu cầu người thụ trái thực hiện nghĩa vụ vào bất kể lúc nào, với điều kiện phải thông báo trước cho người kia trong một khoảng thời gian hợp lý (Điều 285, BLDSVN 2005). Tại đây nhà làm luật đã dành việc giải thích thế nào là một khoảng thời gian hợp lý cho thực tiễn xét xử. Điều này là hợp lý, bởi trong từng vụ việc cụ thể có các yêu cầu riêng về việc xem thế nào là khoảng thời gian hợp lý. Việc xác định tính hợp lý có thể dựa trên tiêu chí về đối tượng của nghĩa vụ, không gian diễn ra sự thực hiện nghĩa vụ, hoàn cảnh xã hội vào lúc thực hiện nghĩa vụ, khả năng của các bên... Người thụ trái phải thực hiện nghĩa vụ theo đúng thời hạn - đó là nguyên tắc. Tuy nhiên, BLDSVN 2005, cũng như pháp luật về dân sự trong các nền tài phán khác nhau, đã dự liệu các trường hợp không theo đúng thời hạn thực hiện nghĩa vụ dân sự:

Thứ nhất, trường hợp thực hiện trước thời hạn: 1) Về nguyên tắc, việc thực hiện trước thời hạn chỉ được tiến hành khi được sự đồng ý của trái chủ; 2) Trường hợp không có sự đồng ý như vậy mà người thụ trái đã thực hiện nghĩa vụ, nếu được sự tiếp nhận của trái chủ, thì nghĩa vụ được xem như thực hiện đúng thời hạn (Điều 285). Các giải pháp được nhà làm luật lựa chọn trong Điều luật này là hợp lý phản ánh được các nguyên lý thực sự của dân luật.

Thứ hai, trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ: 1) Được coi là thực hiện chậm nghĩa vụ, nếu hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà nghĩa vụ chưa được thực hiện hoặc mới được thực hiện một phần; 2) Người thụ trái phải thông báo ngay cho trái chủ về việc đó. Tại đây theo tinh thần của Điều 286, nhà làm luật đã coi chậm thực hiện nghĩa vụ như việc thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn. Việc thực hiện không đúng nghĩa vụ dẫn tới việc người thụ trái phải chịu trách nhiệm dân sự theo tinh thần của Điều 302.

Thứ ba, trường hợp hoãn thực hiện nghĩa vụ: 1) Về nguyên tắc, người thụ trái chỉ được hoãn thực hiện nghĩa vụ, nếu được sự đồng ý của trái chủ; 2) Khi không thể thực hiện được nghĩa vụ đúng thời hạn, thì người thụ trái phải thông báo ngay cho trái chủ biết và đề nghị được hoãn thực hiện nghĩa vụ; 3) Nếu đã được phép hoãn, thì việc thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn hoãn vẫn được coi là thực hiện đúng thời hạn; 4) Nếu thực hiện không đúng thời hạn được phép hoãn, thì việc thực hiện nghĩa vụ bị coi là thực hiện không đúng thời hạn. Việc tự ý hoãn thực hiện nghĩa vụ coi như thực hiện nghĩa vụ không đúng thời hạn. Tuy nhiên, về vấn đề hoãn thực hiện nghĩa vụ, Điều 287 chưa qui định thật rành mạch về việc vi phạm thời hạn được phép hoãn, cũng như chưa qui định rành mạch về gọi tên hành vi vi phạm các qui tắc về hoãn thực hiện nghĩa vụ để buộc chịu trách nhiệm dân sự.

Chậm tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ dân sự là hành vi của trái chủ không tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ của người thụ trái khi người thụ trái thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn. BLDSVN 2005 không phân biệt chậm tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ với không tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ. Đối với chậm tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ, Bộ luật này qui định nghĩa vụ và quyền của người thụ trái. Nếu chậm tiếp nhận việc thực hiện nghĩa vụ mà đối tượng của nghĩa vụ là tài sản, thì người thụ trái phải áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo quản tài sản và có quyền yêu cầu được thanh toán chi phí hợp lý. Trường hợp tài sản có nguy cơ bị hư

hồng (chẳng hạn, thực phẩm tươi sống), người thụ trái có quyền bán tài sản đó và trả tiền thu được từ việc bán đó cho trái chủ sau khi trừ đi chi phí hợp lý để bảo quản và bán tài sản đó (Điều 288).

Sau ba qui tắc chung này, BLDSVN 2005 thiết lập các qui chế pháp lý cụ thể cho các phân loại thực hiện nghĩa vụ dân sự.

a) Thực hiện nghĩa vụ chuyển giao

Việc thực hiện loại nghĩa vụ này được chia nhỏ thành nghĩa vụ giao vật, nghĩa vụ trả tiền.

Trong việc thực hiện nghĩa vụ giao vật, người thụ trái phải: 1) Bảo quản, giữ gìn vật cho tới khi giao; 2) Giao đúng vật ở trong tình trạng đã cam kết (nếu là vật đặc định) hoặc phải giao đúng số lượng và chất lượng như đã thoả thuận (nếu là vật đồng loại); trường hợp không có thoả thuận về chất lượng thì giao vật có chất lượng trung bình; và giao đồng bộ (nếu là vật đồng bộ) đồng thời 3) Chịu mọi chi phí về việc giao vật, trừ khi có thoả thuận khác (Điều 289). Các qui định này nghiêng về nghĩa vụ hợp đồng và phản ánh một cách vắn tắt các nguyên lý pháp lý liên quan.

Bộ luật Dân sự Pháp phân tích trong nghĩa vụ chuyển giao vật bao gồm nghĩa vụ giao vật và nghĩa vụ bảo quản, giữ gìn vật trước khi giao. Vì thế người có nghĩa vụ giao vật phải bảo quản, giữ gìn vật như tài sản thuộc sở hữu của mình dù vì lợi ích của bất kỳ ai. Tuy nhiên, nghĩa vụ này có phạm vi không hoàn toàn đồng nhất đối với các loại hợp đồng khác nhau. Nghĩa vụ giao vật có hoàn toàn bởi sự thoả thuận của các bên đối ước. Hậu quả của nghĩa vụ giao vật là trái chủ có quyền sở hữu và chịu mọi rủi ro từ thời điểm giao vật. Tuy nhiên, nếu đã bị đốc thúc giao vật nhưng người thụ trái không giao thì người thụ trái phải gánh chịu rủi ro đối với vật. Trong trường hợp vật phải chuyển giao cho hai hoặc nhiều người, thì người nào chiếm hữu vật ngay tình trên thực tế được ưu tiên và trở thành chủ sở hữu, dù rằng danh nghĩa là chiếm hữu sau (Điều 1136 - Điều 1141). Các qui tắc tổng quát về giao vật này tuy còn phụ thuộc vào các qui

tắc cụ thể trong từng loại hợp đồng, nhưng đã đưa ra các điều kiện ràng buộc đối với người thụ trái trong nghĩa vụ giao vật, đồng thời xác định các quyền của trái chủ là bên đối ước. Trong khi đó Bộ luật Dân sự CHLB Đức đưa ra hai nguyên tắc cho nghĩa vụ có đối tượng là vật đồng loại: 1) Người thụ trái phải giao vật với loại và giá trị trung bình; và 2) nếu người thụ trái đã tiến hành bất kể những gì là cần thiết về phần mình để giao vật ấy thì nghĩa vụ của người thụ trái được giới hạn tới vật đó (Điều 243). Các nguyên tắc này đã nghiêng hẳn về cách thức thực hiện nghĩa vụ khi cần thiết giải thích cho ý chí của các đương sự.

Đặc biệt vắn tắt, Điều 290, BLDSVN 2005 buộc người thụ trái phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hai nguyên tắc sau: 1) Thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức thoả thuận; và 2) Trả cả nợ gốc và nợ lãi, trừ khi có thoả thuận khác.

Bộ luật Dân sự CHLB Đức đã giải thích cặn kẽ hơn cho việc thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong các trường hợp: 1) Nếu khoản nợ bằng tiền được qui định rõ ràng bằng tiền nước ngoài mà có thể chi trả trong nước, thì việc chi trả có thể thực hiện bằng tiền trong nước, trừ khi việc chi trả bằng tiền nước ngoài được qui định rõ ràng và việc chuyển đổi theo tỷ giá tại nơi chi trả; 2) Nếu khoản nợ bằng tiền thuộc một loại tiền đặc biệt mà không còn được lưu hành nữa, thì việc chi trả phải được tiến hành như thể loại tiền đó không được qui định (Điều 244, 245).

Đối với khoản lãi liên quan tới khoản nợ, Bộ luật Dân sự CHLB Đức qui định: 1) Nếu pháp luật hoặc giao dịch pháp lý qui định khoản nợ phải gánh chịu lãi suất, thì lãi suất bốn phần trăm một năm phải được chi trả, trừ khi có qui định cụ thể về mức lãi suất khác; 2) Nếu mức lãi suất cao hơn sáu phần trăm một năm được thoả thuận, thì người thụ trái có thể, sau khi mãn hạn sáu tháng, đưa thông báo chi trả nợ gốc; 3) Thoả thuận lập trước với nghĩa lãi chồng lãi bị vô hiệu (Điều 246 - 248). Tại đây Bộ luật này cũng có các qui định loại trừ việc áp dụng các qui tắc này

đối với hoạt động tài chính, ngân hàng. Khuynh hướng này bảo vệ người yếu thế trong quan hệ vay, mượn. Vậy bình đẳng và tự do ý chí ở đây không thể hiểu theo nghĩa đơn thuần là pháp luật phải bảo vệ đồng đều cho các bên trong quan hệ hợp đồng và các bên có thể tự ý muốn thoả thuận như thế nào cũng được. Sự bình đẳng một mặt bảo đảm cho các bên bước vào quan hệ tư một cách ngang bằng, mặt khác phải bảo đảm cho bất kể ai, nhất là người yếu thế, cũng có khả năng tồn tại một cách bình thường trong cộng đồng. Vì thế pháp luật phải ngăn chặn những hành vi có khả năng làm tổn thương tới những người yếu thế.

Điều 280, BLDSVN 2005 có đề cập tới nghĩa vụ chuyển giao quyền hoặc giấy tờ có giá, nhưng trong phần nói về thực hiện nghĩa vụ lại không đề cập tới hai loại nghĩa vụ này. Tuy nhiên, có thể hiểu việc chuyển giao ở đây có tính chất tượng trưng.

b) Thực hiện nghĩa vụ hành động hoặc không hành động

BLDSVN 2005 không đưa ra các qui tắc khái quát cho việc thực hiện hay không thực hiện một công việc mà chỉ giải nghĩa khái niệm nghĩa vụ phải thực hiện hoặc không được thực hiện một công việc tại Điều 291. Tuy nhiên, qua các giải nghĩa này có thể hiểu: trong nghĩa vụ phải thực hiện một công việc, người thụ trái phải thực hiện đúng công việc đó và trong nghĩa vụ không được thực hiện một công việc, người thụ trái không được thực hiện.

Cũng về vấn đề này, Bộ luật Dân sự Pháp đã nêu ra các phương thức cưỡng chế thực hiện nghĩa vụ: 1) Người thụ trái phải bồi thường, nếu không thực hiện nghĩa vụ; 2) Nếu việc thực hiện trái cam kết, trái chủ có thể yêu cầu hoặc tự ý huỷ bỏ việc thực hiện với chi phí của người thụ trái hoặc có thể được bồi thường thiệt hại (nếu có); và 3) Trái chủ có thể tự mình thực hiện với chi phí của người thụ trái, nếu người thụ trái không thực hiện nghĩa vụ (Điều 1142 - 1144).

c) Thực hiện các dạng thức nghĩa vụ

Việc thực hiện từng loại nghĩa vụ theo dạng thức có các qui định riêng bởi đặc điểm

của từng loại nghĩa vụ đó. Dường như BLDSVN 2005 chú ý hơn đến việc thực hiện các loại nghĩa vụ này, tuy việc phân loại có thể còn thiếu sót.

Thực hiện nghĩa vụ có kỳ hạn

Việc thực hiện loại nghĩa vụ này đã được nói tới ở trên trong thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Trái chủ không thể yêu cầu người thụ trái phải thực hiện nghĩa vụ trước kỳ hạn. Tuy nhiên, nghĩa vụ có thể thực hiện trước kỳ hạn theo các qui tắc pháp luật liên quan. Trong trường hợp người thụ trái đã mất năng lực rõ ràng hoặc đã hành động là giảm bớt những bảo đảm đã cam kết với trái chủ, thì trái chủ có quyền yêu cầu Toà án truất đoạt quyền hưởng kỳ hạn của người thụ trái. Các qui tắc này đã bảo vệ công bằng cho cả trái chủ và người thụ trái, bằng cách truất đoạt quyền hưởng kỳ hạn thực hiện nghĩa vụ của người thụ trái khi có căn cứ xác đáng về nguy cơ không thực hiện hay không thể thực hiện nghĩa vụ của người thụ trái, và mặt khác không cho phép trái chủ tự ý truất đoạt quyền này của người thụ trái. Các qui tắc này có vai trò quan trọng trong hoạt động vay nợ hiện nay, nhất là với thế lực to lớn của các ngân hàng. Các Bộ luật Dân sự của các chế độ cũ ở Việt Nam có đưa ra các nguyên tắc như vậy. Các qui tắc này không tìm thấy trong mục thực hiện nghĩa vụ dân sự của BLDSVN 2005.

Luật La Mã đã nói tới nghĩa vụ có kỳ hạn, và quan niệm kỳ hạn là một sự kiện hay biến cố tương lai và chắc chắn. Kỳ hạn được chia thành kỳ hạn đình chỉ (*dies a quo*) và kỳ hạn tiêu huỷ (*dies ad quem*). Kỳ hạn đình chỉ là sự kiện tương lai khởi đầu cho việc thi hành nghĩa vụ. Nghĩa vụ hợp đồng phát sinh ngay khi giao kết hợp đồng, nhưng chỉ đến kỳ hạn mới phải thi hành (chẳng hạn như hợp đồng giao hàng sau). Kỳ hạn tiêu huỷ bị *jus civile* cấm, nhưng được sử dụng trong án lệ¹³. Kỳ hạn này là sự kiện tương lai làm tiêu huỷ nghĩa vụ. Nhưng trước đó nghĩa vụ đã

¹³ Vũ Tam Tư, *Luật Rôma: Khế ước & Nghĩa vụ*, Trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Lưu hành nội bộ, tr. 131.

phát sinh và có hiệu lực như những nghĩa vụ thông thường khác.

Phân loại nghĩa vụ này ảnh hưởng tới Bộ luật Dân sự Pháp. Chẳng hạn, Điều 1186, Bộ luật này qui định: “Không thể đòi hỏi thực hiện một nghĩa vụ có kỳ hạn trước khi đến kỳ hạn đó; nhưng những gì đã thực hiện trước thời hạn thì không thể đòi trả lại”. Điều 1187 đặt ra nguyên tắc giải thích kỳ hạn có lợi cho người thụ trái, trừ khi có qui định hoặc có tình huống cho thấy thoả thuận có lợi cho trái chủ.

Thực hiện nghĩa vụ có điều kiện

Chỉ những gì có thể có được, không chống lại trật tự công cộng, thuần phong mỹ tục và không chống lại điều cấm của pháp luật mới có thể trở thành điều kiện trong nghĩa vụ có điều kiện và tất nhiên hệ quả là pháp luật vô hiệu hoá tất cả các điều kiện không đáp ứng được các tiêu chuẩn như vậy, dẫn tới hợp đồng phụ thuộc vào điều kiện đó cũng vô hiệu.

Luật La Mã đã nói tới loại hợp đồng có điều kiện và quan niệm là một sự kiện tương lai không chắc chắn, đồng thời chia các điều kiện thành điều kiện đình chỉ và điều kiện giải tiêu. Điều kiện đình chỉ là điều kiện mà nghĩa vụ chỉ phát sinh khi điều kiện đó xảy ra. Điều kiện giải tiêu là điều kiện mà khi xảy ra làm mất hiệu lực của nghĩa vụ đã phát sinh.

Bộ luật Dân sự Pháp phân biệt: kỳ hạn khác với điều kiện ở chỗ không đình chỉ cam kết mà chỉ làm chậm lại việc thực hiện cam kết (Điều 1185). Vũ Tam Tư cho rằng dân luật Pháp kế thừa vấn đề kỳ hạn và điều kiện của Luật La Mã nói chung và đã không có thay đổi gì đáng kể từ năm 1804 đến giờ¹⁴. Hệ quả là các Bộ luật Dân sự Việt Nam của các chế độ cũ cũng bị ảnh hưởng sâu sắc của Luật La Mã thông qua luật dân sự Pháp.

Thực hiện nghĩa vụ có đối tượng tuỳ ý lựa chọn

Nghĩa vụ có đối tượng tuỳ ý lựa chọn không phải là nghĩa vụ đơn thường, bởi

người thụ trái chỉ được coi là đã thực hiện xong nghĩa vụ khi đã thực hiện một trong các đối tượng của nghĩa vụ mà người này có quyền lựa chọn hoặc do trái chủ chỉ định (nếu quyền lựa chọn thuộc về trái chủ). Người thụ trái có thể chọn một trong các đối tượng để thực hiện, nhưng phải thực hiện trọn vẹn một đối tượng, không thể thực hiện một phần đối tượng này và một phần đối tượng khác.

Nghĩa vụ này có thể được xem là nghĩa vụ đơn thường trong các trường hợp sau:

Thứ nhất, chỉ một trong số các đối tượng có thể là đối tượng của nghĩa vụ;

Thứ hai, một trong hai đối tượng bị tiêu huỷ, mất mát hay hư hỏng;

Thứ ba, cả hai đối tượng bị tiêu huỷ, mất mát hay hư hỏng.

Đối với trường hợp thứ hai kể trên: 1) Nếu người thụ trái có quyền lựa chọn, kể cả trường hợp người thụ trái có lỗi, thì phải thực hiện đối tượng còn lại, không thể đem giá tiền của đối tượng kia để trả; 2) Nếu không do lỗi của người thụ trái và trái chủ có quyền lựa chọn, thì trái chủ chỉ có quyền yêu cầu thực hiện đối tượng còn lại; 3) Nếu do lỗi của người thụ trái và trái chủ có quyền lựa chọn, thì trái chủ có quyền yêu cầu thực hiện đối tượng còn lại hoặc yêu cầu giá tiền của đối tượng kia.

Đối với trường hợp thứ ba kể trên: 1) Nếu người thụ trái có quyền lựa chọn và có lỗi, thì phải trả giá tiền đối tượng bị tiêu huỷ, mất mát hay hư hỏng sau cùng; 2) Nếu người thụ trái không có lỗi và sự kiện xảy ra trước khi bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ, thì nghĩa vụ bị giải tiêu; 3) Nếu quyền lựa chọn thuộc về trái chủ và người thụ trái có lỗi trong việc tiêu huỷ, mất mát hay hư hỏng một hoặc cả hai đối tượng, thì trái chủ có quyền lựa chọn đòi giá tiền một trong hai đối tượng ấy.

Các qui tắc này không được BLDSVN 2005 quan tâm tới, có nghĩa là không thiết lập các qui tắc cho các trường hợp này, trừ việc đưa ra một giải pháp thiếu thốn tại Điều 295, khoản 3 như sau: “Trong trường hợp chỉ còn một tài sản hoặc một công việc thì bên có nghĩa vụ phải giao tài sản đó hoặc thực

¹⁴ Vũ Tam Tư, *Luật Rôma: Khế ước & Nghĩa vụ*, Trường Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, Lưu hành nội bộ, tr. 132.

hiện công việc đó". Việc không thiết lập các qui tắc khác nhau cho các trường hợp và không xây dựng án lệ sẽ gây khó khăn lớn cho việc giải quyết các tranh chấp. Lưu ý rằng, các trường hợp nêu trên là hoàn toàn có thể xảy ra ngoài ý muốn của con người. Vậy sự không tiên liệu được tất cả vấn đề phức tạp trong thực tiễn.

Thực hiện nghĩa vụ nhiệm ý

Đối với loại nghĩa vụ này có thể có hai trường hợp xảy ra. Nhưng hai trường hợp này không được BLDSVN 2005 dự liệu. Trường hợp thứ nhất là đối tượng chính của nghĩa vụ bị tiêu huỷ mà người thụ trái không có lỗi. Trường hợp thứ hai là đối tượng chính của nghĩa vụ bị tiêu huỷ do lỗi của người thụ trái. Đối với hai trường hợp này giải pháp của các Bộ luật Dân sự của Việt Nam dưới các chế độ cũ đều có cùng các giải pháp. Đối với trường hợp thứ nhất, người thụ trái được miễn trách. Đối với trường hợp thứ hai, người thụ trái phải trả giá trị của đối tượng và bồi thường, tuy nhiên vẫn có thể xin thực hiện nghĩa vụ với một đối tượng khác thay thế¹⁵.

Điểm khác biệt giữa BLDSVN 2005 với các Bộ luật Dân sự của Việt Nam trước đó về loại nghĩa vụ này ở chỗ: BLDSVN 2005 xác định có hai nghĩa vụ là nghĩa vụ chính và nghĩa vụ thay thế, tức là khi nghĩa vụ ban đầu không thực hiện được do bất kể nguyên do gì, thì có thể thực hiện một nghĩa vụ khác thay thế nếu được trái chủ chấp nhận; còn các Bộ luật Dân sự cũ của Việt Nam đều chỉ cho thấy có một nghĩa vụ xuất hiện nhưng có đối tượng chính và nếu đối tượng này bị tiêu huỷ do lỗi của người thụ trái, thì người này có thể xin thực hiện đối tượng thay thế đã được các bên dự liệu trước. Quan niệm cũ hợp lý hơn bởi nghĩa vụ mà nó đề cập tới là một loại nghĩa vụ có đặc tính riêng bởi đối tượng. Còn BLDSVN 2005 cho thấy cả hai nghĩa vụ mà nó đề cập tới đều không có đặc điểm gì khác biệt với nghĩa vụ thông thường.

Thực hiện nghĩa vụ riêng rẽ

Như trên đã giới thiệu nghĩa vụ riêng rẽ trước kia được gọi là nghĩa vụ cộng đồng. BLDSVN 2005 đưa ra định nghĩa ngăn ngừa và nguyên tắc thực hiện đơn giản cho loại nghĩa vụ này. Đặc điểm của loại nghĩa vụ này là có nhiều người thụ trái cùng thực hiện một nghĩa vụ, nhưng mỗi người trong số họ có một phần nghĩa vụ xác định và riêng rẽ với nhau, do vậy mỗi người trong số họ chỉ phải thực hiện phần nghĩa vụ của mình (Điều 297).

Cụ thể hơn sau khi phân loại nghĩa vụ đa số thành các loại nghĩa vụ khác nhau dựa trên các đặc điểm về mối liên hệ giữa chủ thể với đối tượng của nghĩa vụ, các Bộ luật Dân sự cũ đều xác định cách thức thực hiện nghĩa vụ và cách thức xác định kỷ phần của mỗi chủ thể. Kỷ phần của mỗi trái chủ có thể yêu cầu hay mỗi người thụ trái có thể phải thực hiện được xác định theo hợp đồng hoặc theo tình trạng thực tế. Nếu không thể xác định được theo các căn cứ trên thì trái quyền được chia đều trên số chủ thể.

Thực hiện nghĩa vụ liên đới

Ở trên đã giới thiệu nghĩa vụ liên đới được chia thành hai trường hợp là liên đới giữa các trái chủ và liên đới giữa các người thụ trái. Do vậy, khi nghiên cứu về thực hiện nghĩa vụ liên đới cần phải nghiên cứu việc thực hiện nghĩa vụ trong từng trường hợp này.

Đối với nghĩa vụ liên đới giữa các trái chủ, thì người thụ trái có quyền lựa chọn thực hiện nghĩa vụ đối với trái chủ liên đới nào cũng được, trừ khi người thụ trái đã bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ. Trong trường hợp một trái chủ liên đới miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho người thụ trái, thì việc đó chỉ có giá trị đối với kỷ phần của trái chủ đó. Các Bộ luật Dân sự cũ của Việt Nam còn dự liệu trường hợp việc gián đoạn thời hiệu¹⁶ đối với một trái chủ liên đới thì cũng có lợi cho tất cả các trái chủ liên đới khác, có nghĩa là

¹⁵ Điều 755, Bộ luật Dân sự Bắc Kỳ; Điều 809 và 810, Bộ luật Dân sự Trung Kỳ; Điều 770, Bộ luật Dân sự 1972.

¹⁶ Thời hiệu ở đây được hiểu là thời hiệu tiêu diệt hay thời tiêu, có nghĩa là thời hiệu là cho tố quyền của chủ nợ đối với con nợ vô hiệu vì đã không hành xử trong thời hạn luật định (Trần Thúc Linh, *Danh - từ pháp luật học - giải*, Nhà sách Khai trí, Sài Gòn, tr. 868).

thời hiệu cũng bị gián đoạn đối với những trái chủ này¹⁷. BLDSVN 2005 không quan tâm đến việc người thụ trái đã bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ hay không mà chỉ qui định nguyên tắc người thụ trái có thể lựa chọn thực hiện nghĩa vụ của mình đối với bất kỳ trái chủ liên đới nào (Điều 299, khoản 2). Qui định như vậy là không thích hợp bởi khi đã có một trái chủ liên đới đốc thúc thực hiện nghĩa vụ, thì người thụ trái phải thực hiện yêu cầu của trái chủ này, vì về nguyên tắc mỗi trong số các trái chủ liên đới đều có quyền yêu cầu người thụ trái phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ. Điều đó có nghĩa là khi có một trái chủ liên đới đốc thúc hay yêu cầu người thụ trái thực hiện nghĩa vụ thì người thụ trái không còn quyền lựa chọn việc thực hiện nghĩa vụ đối với ai.

Đối với nghĩa vụ liên đới giữa các người thụ trái, nếu một người thụ trái đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, thì toàn bộ các người thụ trái khác được giải thoát khỏi nghĩa vụ đối với trái chủ, bởi các người thụ trái liên đới cùng bị ràng buộc vào một nghĩa vụ. Người thụ trái đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đó có quyền đòi mỗi người thụ trái khác phải bồi hoàn lại cho mình phần mà người thụ trái này đã thực hiện trong khối nghĩa vụ chung. Người thụ trái đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ này được thế quyền trái chủ, có nghĩa là có các đặc quyền như trái chủ cũ. Tuy nhiên, đối với việc thực hiện nghĩa vụ liên đới giữa nhiều người thụ trái có nhiều trường hợp pháp luật cần dự liệu.

BLDSVN 2005, ngoài các nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ liên đới giữa các người thụ trái nêu trên (trừ việc xác định sự thế quyền trái chủ), chỉ dự liệu thêm có hai trường hợp: *thứ nhất*, trái chủ đã chỉ định một người thụ trái liên đới thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, nhưng sau đó lại miễn việc thực hiện cho người đó; *thứ hai*, trái chủ chỉ miễn việc thực hiện nghĩa vụ cho một trong số

những người thụ trái liên đới không phải thực hiện phần nghĩa vụ của người đó. Trường hợp thứ nhất, nhà làm luật đã đưa ra giải pháp những người thụ trái còn lại cũng được miễn thực hiện nghĩa vụ. Còn trong trường hợp thứ hai, nhà làm luật vẫn bắt những người thụ trái còn lại phải liên đới thực hiện phần nghĩa vụ của họ. Các trường hợp và các giải pháp phù hợp này được dự liệu trong Điều 298, khoản 3 và khoản 4.

Theo quan niệm của các Bộ luật Dân sự cũ của Việt Nam, nghĩa vụ có thể được xem là liên đới giữa các người thụ trái kể cả trường hợp họ bị ràng buộc vào nghĩa vụ này theo cách thức khác nhau, chẳng hạn người bị ràng buộc kỳ hạn, người không, người bị ràng buộc điều kiện, người không. Khi một người thụ trái liên đới bị đốc thúc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, thì người này có quyền xin yêu cầu các người thụ trái khác tham dự vào thủ tục để bảo vệ quyền lợi chung hoặc để xác định kỷ phần của mỗi người thụ trái liên đới. Trong trường hợp đối tượng của nghĩa vụ liên đới bị tiêu huỷ do lỗi của một hay nhiều người thụ trái liên đới hoặc sau khi họ đã bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ, những người thụ trái khác vẫn phải trả giá tiền của đối tượng, nhưng không phải bồi thường. Trách nhiệm bồi thường trong trường hợp này do người thụ trái có lỗi hoặc đã bị đốc thúc thực hiện nghĩa vụ gánh chịu. Trái chủ nếu đã khởi kiện một người thụ trái liên đới thì vẫn có quyền khởi kiện những người thụ trái liên đới khác và thời hiệu bị đình chỉ đối với những người thụ trái liên đới khác.

Thực hiện nghĩa vụ phân chia được theo phần

Nghĩa vụ phân chia được theo phần là nghĩa vụ có đối tượng có thể chia được theo phần để thực hiện. BLDSVN 2005 qui định, đối với loại nghĩa vụ này, người thụ trái có thể thực hiện nghĩa vụ theo từng phần, trừ khi có thoả thuận khác (Điều 300, khoản 2). Các bên trong quan hệ nghĩa vụ có thể thoả thuận khác trong việc thực hiện nghĩa vụ phân chia được theo phần có nghĩa là dù đối tượng của nghĩa vụ có thể phân chia theo phần nhưng các bên

¹⁷ Xem: Điều thứ 760, Bộ luật Dân sự Bắc Kỳ, Điều thứ 818, Bộ luật Dân sự Trung Kỳ, Điều thứ 781, Bộ luật Dân sự 1972.

vấn thoả thuận thực hiện như nghĩa vụ không phân chia được theo phần. Ở đây xuất hiện sự khác biệt về quan niệm nghĩa vụ phân chia được theo phần giữa BLDSVN 2005 và các Bộ luật Dân sự cũ của Việt Nam. Theo tinh thần Điều 300, BLDSVN 2005 thì định nghĩa về nghĩa vụ phân chia được theo phần dường như dựa trên tiêu chuẩn vật lý của đối tượng. Điều đó có nghĩa là bất kể khi nào đối tượng của nghĩa vụ có thể phân chia được theo phần thì nghĩa vụ đó đều được coi là nghĩa vụ phân chia được theo phần. Trong khi đó, các Bộ luật Dân sự cũ của Việt Nam lại quan niệm nghĩa vụ phân chia được theo phần dựa trên cả hai tiêu chuẩn: vật lý và pháp lý. Do đó, đối với nghĩa vụ mà đối tượng của nó có thể phân chia được theo phần, theo tiêu chuẩn vật lý vẫn được xem là nghĩa vụ không phân chia được theo tiêu chuẩn pháp lý, tức là trong trường hợp các bên có thoả thuận việc thực hiện nghĩa vụ không thể phân chia hoặc nghĩa vụ không thể thực hiện một phần được và phải áp dụng qui chế đối với việc thực hiện nghĩa vụ không phân chia được theo phần¹⁸.

Về nguyên tắc nghĩa vụ phân chia được theo phần vẫn phải thực hiện như nghĩa vụ không phân chia được theo phần trong mối quan hệ giữa trái chủ và người thụ trái. Các Bộ luật Dân sự cũ của Việt Nam chỉ cho phép thực hiện theo phần đối với những người thừa kế của trái chủ hay của người thụ trái, có loại trừ. Chẳng hạn, Bộ luật Dân sự 1972 qui định:

“Nguyên tắc trên đây chỉ bị loại trừ đối với thừa kế của trái hộ trong những trường hợp sau này:

- 1) Nếu món nợ, có để đương.
- 2) Nếu sở vật của món nợ là một vật thực thể.
- 3) Nếu chỉ riêng một thừa kế đã được văn tự giao cho việc thi hành nghĩa vụ.
- 4) Nếu bản chất của sự cam kết, hay mục đích của sự cam kết, bó buộc phải thi

hành toàn vẹn, không thể phân chia làm nhiều lần.

Người thừa kế giữ tài sản bị để đương hay giữ sở vật của món nợ, trong hai trường hợp đầu, người được chỉ định để thi hành nghĩa vụ trong trường hợp thứ ba và mỗi thừa kế trong trường hợp chót đều có thể bị truy sách về toàn phần món nợ, nhưng có quyền đòi các thừa kế khác phải bồi hoàn” (Điều 804).

Thực hiện nghĩa vụ không phân chia được theo phần

Nghĩa vụ không chia được theo phần là nghĩa vụ có đối tượng là một vật phải giao một lúc hoặc công việc phải thực hiện một lần. Do đó, dẫn đến hệ quả nhiều người đã cùng cam kết về một nghĩa vụ không phân chia được theo phần, thì mỗi người phải chịu trách nhiệm về toàn bộ nghĩa vụ dù không phải là nghĩa vụ liên đới. Và những người thừa kế của những người này cũng phải chịu trách nhiệm như vậy.

Trong nghĩa vụ có nhiều trái chủ hay nhiều người thụ trái, quan hệ giữa mỗi trái chủ và người thụ trái rất đa dạng với nhiều hình thức khác nhau, nhưng Bộ luật Dân sự Nhật Bản chỉ qui định bốn hình thức là trái quyền có thể phân chia, trái quyền không phân chia, nghĩa vụ liên đới, và nghĩa vụ bảo lãnh¹⁹.

Thực hiện nghĩa vụ là một bộ phận quan trọng của chế định hiệu lực của nghĩa vụ có liên quan tới nhiều vấn đề pháp lý khác. Do đó, các bộ luật dân sự đều qui định rất chi tiết và thận trọng về nó theo một cách thức phân loại khoa học. Qua nghiên cứu ở trên có thể thấy, cần phải có sự sửa đổi thích hợp phần này của BLDSVN 2005.

¹⁹ Xaca Vacaxum, Tori Aridumi, *Bình luận khoa học Bộ luật Dân sự Nhật Bản*, Nguyễn Đức Giao và Lưu Tiến Dũng dịch ra tiếng Việt. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 408 - 409; Japan International Cooperation Agency (JICA), *Japanese Laws (Volume 2: 1997- 1998) - Luật Nhật Bản (Tập II: 1997- 1998)*, Youth Publishing House - Nhà xuất bản Thanh niên, Song ngữ Anh - Việt, p. 170.

¹⁸ Xem: Điều 776, Bộ luật Dân sự Bắc Kỳ, Điều 836, Bộ luật Dân sự Trung Kỳ, Điều 799 - 801, Bộ luật Dân sự 1972.